

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 25 - 3 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Đỗ Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Ông Hà Thanh Q, sinh năm 1981.

Cùng nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2021 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2003 bà V và ông Q được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KK, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/6/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2003). Thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung tên Hà Ngọc T, sinh 10/5/2004 và Hà Tấn Đ, sinh 19/02/2008. Về tài sản chung vợ chồng có tài sản quy đổi bằng tiền có giá trị 50.000.000 đồng do ông Q quản lý và các tài sản khác như nhà, vỏ máy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà V xác định ông Q thường xuyên ghen tuông đánh đập bà V, nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Bà V yêu cầu ly hôn với ông Q. Về con chung bà V yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung yêu cầu được chia toàn bộ giá trị tài sản 50.000.000 đồng để nuôi dạy các con.

- **Lời trình bày có tại hồ sơ của bị đơn, thể hiện:** Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà V về hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Ông Q xác định do bà V thường xuyên nhậu nhẹt nên ông Q có la rầy thì bà V bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà V sống khoảng 03 tháng nay.

Ông Q cho rằng còn thương vợ con, nên muốn đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con trưởng thành. Trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được, nếu 02 con sống với bà V thì ông Q đồng ý giao cho bà V số tiền 50.000.000 đồng cho bà V nuôi con, nếu mỗi người nuôi 01 con chung thì đồng ý chia đôi số tiền 50.000.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, Q hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi Q hệ hôn nhân giữa bà V và ông Q được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi Q hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và Đ được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, Q tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà V và ông Q không làm được điều đó, mà chỉ vì Q điểm sống của mỗi người mà lại làm cho mỗi Q hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, kể từ khi Tòa án tiến hành hòa giải giữa bà V và ông Q cho đến ngày xét xử hôm nay ông Q không chứng minh được vợ chồng có thiện chí hàn gắn trở lại với nhau và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà V đều cương quyết ly hôn với ông V, do đó xác định bà V và ông Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mỗi Q hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà V được ly hôn với

ông Q là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2003 ngày 06/6/2003 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu T và cháu Đ đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến thì các cháu có nguyện vọng được sống với bà V, đồng thời bà V không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần giao cháu T và cháu Đ cho bà V trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà V; nếu ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà V không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà V, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Q không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] *Về tài sản chung:* Bà V và ông Q xác định vợ chồng có tài sản chung trị giá 50.000.000 đồng do ông Q đang trực tiếp quản lý. Bà V yêu cầu được chia toàn bộ số tiền, ông Q cũng xác định trường hợp vợ chồng không đoàn tụ nếu 02 con chung sống với bà V thì ông Q đồng ý giao cho bà V 50.000.000 đồng để nuôi dạy con. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi làm việc với 02 con chung thì các cháu đều có nguyện vọng sống với bà V và đã được xem xét giao 02 con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc và nuôi dạy như đã phân tích ở phần trên, xét thấy ông Q cũng tự nguyện chia cho bà V số tiền 50.000.000 đồng khi các con chung sống với bà V, nên cần tôn trọng và ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản giữa các bên sau khi ly hôn. Do đó, chia cho bà V được hưởng số tài sản chung quy đổi bằng tiền có giá trị 50.000.000 đồng và buộc ông Q có trách nhiệm giao cho bà V số tiền này là phù hợp theo định tại khoản 1, khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với các tài sản khác như nhà, vỏ máy bà V và ông Q không có yêu cầu nên không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung:* Các đương sự không có đặt ra yêu cầu trong vụ án này, nên không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với giá trị phần tài sản được chia theo định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền tạm ứng án phí bà V đã dự nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Hà Thanh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2003 ngày 06/6/2003 của UBND xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà V trực tiếp nuôi dạy cháu Hà Ngọc T, sinh 10/5/2004 và cháu Hà Tấn Đ, sinh 19/02/2008. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà V; nếu ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông Q không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị V được chia phần tài sản có giá trị là 50.000.000 đồng. Buộc ông Hà Thanh Q có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị V số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng ông Q còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 2.500.000 đồng. Bà V đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004298 ngày 14/01/2022 và 1.647.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004299 ngày 14/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Bà V phải nộp tiếp số tiền án phí là 853.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải